

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2017/DS-ST**.

Ngày: 05/9/2017.

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xương.*

*2. Bà Lưu Thị Tám.*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn* – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu* – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2017/TLST - DS, ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2017/QĐST-DS, ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Châu Thị B**; địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

\* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị P** và ông **Nguyễn Văn T**, cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị B trình bày: Bà là chủ hụi, ông T và bà P là hụi viên; vợ chồng ông T và bà P có tham gia cùng bà 02 dây hụi mùa (4 tháng) cụ thể từng dây hụi như sau:

- Dây thứ nhất: Hội mùa (04tháng) 2.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2012, có 19 phần, ông T và bà P tham gia 02 phần.

- Dây thứ hai: Hội mùa (04 tháng) 5.000.000 đồng, khai ngày 01/01/2013, có 14 phần, ông T và bà P tham gia 01 phần.

Hai dây hội này ông T và bà P đã góp và hót, hiện nay dây hội thứ nhất còn nợ bà 02 kỳ chưa góp với số tiền 4.000.000 đồng (2.000.000 đ x 2 kỳ= 4.000.000đ); dây hội thứ hai còn nợ bà 01 kỳ chưa góp với số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, hai dây hội này ông T và bà P còn nợ bà số tiền 9.000.000 đồng; nhưng sau đó ông T, bà P có trả cho ông Đường Hữu N thay cho bà 1.700.000 đồng, còn nợ bà số tiền 7.300.000 đồng.

Nay bà B yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P trả cho bà số tiền hội còn nợ lại 7.300.000 đồng và trả trong thời gian ngắn.

\* Tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 19/7/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P thừa nhận còn nợ bà Châu Thị B số tiền 7.300.000 đồng và xin trả trong 01 tháng.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 BLDS và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; xử buộc vợ chồng ông T, bà P trả cho bà B số tiền hội 7.300.000 đồng. Tuy nhiên, tại Tòa bà B không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà P.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Châu Thị B là chủ hội, ông T và bà P là hội viên; vợ chồng ông T và bà P có tham gia cùng bà B 02 dây hội mùa (4tháng) cụ thể từng dây hội như sau:

- Dây thứ nhất: Hội mùa (04 tháng) 2.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2012, có 19 phần, ông T và bà P tham gia 02 phần.

- Dây thứ hai: Hội mùa (04 tháng) 5.000.000 đồng, khai ngày 01/01/2013, có 14 phần, ông T và bà P tham gia 01 phần.

Hai dây hội này ông T và bà P đã góp và hót, hiện nay dây hội thứ nhất còn nợ bà B 02 kỳ chưa góp với số tiền 4.000.000 đồng (2.000.000 đ x 2 kỳ = 4.000.000đ); dây hội thứ hai còn nợ bà B 01 kỳ chưa góp với số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, hai dây hội này ông T và bà P còn nợ bà B số tiền 9.000.000 đồng; nhưng sau đó ông T, bà P có trả cho ông Đường Hữu N thay cho bà B 1.700.000 đồng, còn nợ bà B số tiền 7.300.000 đồng. Nay bà B yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P trả cho bà số tiền hội còn nợ lại 7.300.000 đồng và trả trong thời gian ngắn. Phía vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P thừa nhận còn nợ bà Châu Thị B số tiền 7.300.000 đồng và xin trả trong 01 tháng. **Xét thấy**, trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 19/7/2017 thì vợ chồng ông T và bà P thừa nhận còn nợ bà B tiền hội là 7.300.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định vợ chồng ông T và bà P còn nợ bà B số tiền hội là 7.300.000 đồng.

- Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hội giữa các bên đương sự nhận thấy: Bà B và vợ chồng ông T và bà P là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Xét về lỗi: Vợ chồng ông T và bà P là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không góp hội cho bà B, chính việc vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng ông T và bà P đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà B. Do đó, vợ chồng ông T và bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền hội đã góp thay cho vợ chồng ông T và bà P là 7.300.000 đồng theo quy định tại Điều 471 BLDS và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biếu, phò. Tuy nhiên, tại Tòa bà B không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của vợ chồng ông T và bà P cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho vợ chồng ông T và bà P trả trong vòng 01 tháng. **Xét thấy**, yêu cầu này của vợ chồng ông T và bà P không được bà B đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử buộc vợ chồng ông T và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 365.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, biểu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự,

Căn cứ Điều 30 của Nghị định số:144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, biểu, phường,

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

\* Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị B. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Châu Thị B số tiền họ là 7.300.000 (Bảy triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

\* Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 365.000 đồng.

- Bà Châu Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Châu Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0007497 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

\* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

\* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

**Hồ Văn Phụng**